

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

KHOA LUẬT



BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

NGÀNH LUẬT KINH TẾ

**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CHA, MẸ
VỚI CON SAU LY HÔN THEO LUẬT
HÔN NHÂN GIA ĐÌNH VIỆT NAM**

Giảng viên hướng dẫn:
ThS. HÀ THU THỦY

Sinh viên thực hiện
NGUYỄN NGỌC TRANG
Mã số SV: 1711546444
Lớp: 17DLK1B

TP.Hồ Chí Minh - 2020



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

KHOA LUẬT



BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

NGÀNH LUẬT KINH TẾ

**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CHA, MẸ
VỚI CON SAU LY HÔN THEO LUẬT
HÔN NHÂN GIA ĐÌNH VIỆT NAM**

Giảng viên hướng dẫn:

**ThS. HÀ THU
THỦY**

Sinh viên thực hiện

**NGUYỄN NGỌC TRAN
G**

Mã số SV: 1711546444

Lớp: 17DLK1B

TP.Hồ Chí Minh – 2020

LỜI CẢM ƠN

Tám tuần thực tập ngắn ngủi là cơ hội cho em tổng hợp và hệ thống hóa lại những kiến thức đã học, đồng thời kết hợp với thực tế để nâng cao kiến thức chuyên môn. Tuy chỉ có tám tuần thực tập, nhưng qua quá trình thực tập, em đã được mở rộng tầm nhìn và tiếp thu rất nhiều kiến thức thực tế. Từ đó em nhận thấy, việc cọ sát thực tế là vô cùng quan trọng – nó giúp sinh viên xây dựng nền tảng lý thuyết được học ở trường vững chắc hơn.

Lời cảm ơn đầu tiên xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban giám hiệu trường Đại học Nguyễn Tất Thành cùng quý thầy/cô khoa Luật đã tận tâm giảng dạy và truyền đạt những kiến thức, kinh nghiệm quý báu cho em. Đặc biệt, em xin cảm ơn cô Hà Thu Thủy, người đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành bài báo cáo này.

Em xin gửi đến ban lãnh đạo Cục, các Phòng ban, các cô chú, anh chị trong Cục Thi Hành án Dân sự TP Hồ Chí Minh – và đặc biệt cảm ơn Chấp hành viên Phan Thị Soa người hướng dẫn cho em trong suốt quá trình thực tập để em có thể hoàn thành kỳ thực tập tốt. Cảm ơn đơn vị đã tiếp nhận và nhiệt tình tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành một kỳ thực tập một cách thuận lợi mặc dù còn nhiều điều thiếu sót.

Vì thời gian và kiến thức còn hạn hẹp nên bài báo cáo không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong sự góp ý của quý thầy cô và các bạn, để em rút kinh nghiệm và hoàn thành tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ngày tháng năm 2020

Sinh viên thực hiện
(*ký và ghi họ tên*)

.....

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

- Họ và tên người nhận xét:.....Học vị:.....

NỘI DUNG NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TPHCM, ngày tháng năm 2020

NGƯỜI NHẬN XÉT

.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài:	1
2. Mục đích nghiên cứu:	2
3. Đối tượng phạm vi nghiên cứu:	2
4. Phương pháp nghiên cứu	2
5. Kết cấu bài báo cáo:	2
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ CƠ QUAN THỰC TẬP	1
1.1 Khái quát về cơ quan thực tập:	1
1.2 Chức năng, nhiệm vụ:	2
CHƯƠNG 2 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ VỚI CON SAU LY HÔN	3
2.1 Khái quát về quyền và nghĩa vụ cha mẹ sau ly hôn:	3
2.1.1 Khái niệm quyền và nghĩa vụ cha mẹ với con sau ly hôn:	3
2.1.2. Nguyên tắc xác định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn:	4
2.2. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con sau khi ly hôn theo pháp luật Việt Nam	6
2.2.1 Quyền và nghĩa vụ về nhân thân	6
2.2.2 Quyền và nghĩa vụ về tài sản:	11
CHƯƠNG 3 THỰC TRẠNG VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ VỚI CON SAU LY HÔN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	14
3.1. Thực tiễn áp dụng quy định quyền và nghĩa vụ cha mẹ với con sau ly hôn:...	14
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật	14
3.2.1 Giải pháp về mặt lập pháp:	14
3.2.2 Giải pháp về vấn đề áp dụng pháp luật và nâng cao ý thức pháp luật:	15
3.2.3 Giải pháp về mặt kỹ thuật:	17
KẾT LUẬN	18

DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

HN&GD	Hôn nhân và gia đình
TAND	Tòa án nhân dân
TADS	Toàn án dân sự
VKS	Viện Kiểm sát

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Gia đình và khoa học về gia đình luôn là vấn đề xã hội được tiếp cận và nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau. Trên góc độ nghiên cứu luật học, pháp luật hôn nhân gia đình là một đề tài lớn có ý nghĩa xã hội nhân văn sâu sắc. Ly hôn là một chế định pháp luật; ly hôn cũng là một vấn đề xã hội. Hậu quả ly hôn sẽ đem lại ảnh hưởng xấu cho gia đình và xã hội nếu không được giải quyết thấu tình đạt lý. Khoa học pháp lý và những quy phạm pháp luật cụ thể có giá trị đặc biệt trong việc loại trừ hoặc giảm bớt những hậu quả xấu do vấn đề ly hôn đặt ra.

Xét về phương diện lịch sử nhà nước và pháp luật, dưới bất kỳ chế độ xã hội nào, Nhà nước cũng quan tâm đến việc giải quyết việc ly hôn và hậu quả pháp lý của nó. Nhưng đối với những xã hội khác nhau thì mục đích điều chỉnh của pháp luật đối với vấn đề hôn nhân và gia đình nói chung cũng như việc ly hôn và giải quyết hậu quả của nó nói riêng là hoàn toàn khác nhau. Trong thực tế, nhìn chung các vụ kiện về hôn nhân và gia đình là không đơn giản vì ngoài việc đụng chạm đến quyền lợi thiết thân của các bên đương sự về mặt vật chất thì vấn đề chủ yếu nhất chính là việc đụng chạm đến tình cảm của vợ, chồng; giữa cha, mẹ với con cái. Cho nên nếu giải quyết vấn đề này không hợp tình, hợp lý, không dựa trên nguyên tắc bình đẳng, không làm thỏa mãn đối với các bên đương sự sẽ dẫn đến việc các bên đương sự phải đi lại kiện tụng nhau nhiều lần, mất nhiều thời gian, cuộc sống không ổn định sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của cá nhân cũng như lợi ích chung của xã hội không những thế còn gây nên tình trạng mất đoàn kết giữa các bên đương sự.

Vì vậy, trong quá trình xem xét, giải quyết vấn đề quyền và nghĩa vụ nuôi con của cha mẹ sau ly hôn theo luật hôn nhân gia đình Việt Nam thì Tòa án ngoài việc phải tiến hành điều tra, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của các bên đương sự, của con cái thì cần phải nắm vững tình hình tài sản, tình trạng cụ thể của gia đình mới có thể ra quyết định đúng đắn trong mỗi bản án của mình. Trong giai đoạn hiện nay, việc giải quyết đúng đắn, công bằng hậu quả pháp lý của các vụ việc ly hôn nói chung cũng như vấn đề quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn nói riêng của nó có một ý nghĩa đặc biệt to lớn. Về mặt lý luận - nó củng cố vững chắc chế độ một vợ một chồng, tự nguyện, tiến bộ góp

phần khẳng định các nguyên tắc: Nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng, nguyên tắc bảo đảm quyền lợi của người vợ và con chưa thành niên, nguyên tắc bảo vệ bà mẹ và trẻ em theo Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Về mặt thực tiễn nó đảm bảo sự công bằng về lợi ích cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự đặc biệt là đối với bà mẹ và trẻ em.

Với mong muốn nhỏ bé nhằm góp phần làm sáng tỏ về mặt lý luận vấn đề quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ với con sau khi ly hôn trên cơ sở các quy định của pháp luật Việt Nam, tôi xin chọn đề tài: "Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ với con sau ly hôn theo luật hôn nhân gia đình Việt Nam" làm báo cáo thực tập.

2. Mục đích nghiên cứu:

Mục đích nghiên cứu đề tài là làm rõ cơ sở lý luận của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con sau ly hôn. Đánh giá thực trạng, đề xuất một số phương hướng giải pháp hoàn thiện pháp luật và tăng cường hiệu quả điều chỉnh của pháp luật hôn nhân gia đình về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con sau khi ly hôn cũng như đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ chồng trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con.

3. Đối tượng phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu vấn đề quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con sau ly hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình Việt Nam hiện hành, thực trạng thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con sau ly hôn.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài hướng tới nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con sau ly hôn trong luật hôn nhân gia đình Việt Nam hiện hành và các văn bản liên quan.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử, phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh, logic học và xã hội học ... để làm rõ nội dung các vấn đề cần nghiên cứu của đề tài nhằm đảm bảo tính khoa học.

5. Kết cấu bài báo cáo:

Ngoài phần mở đầu, kết thúc và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về cơ quan thực tập.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con sau ly hôn.

Chương 3: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng các quy định hiện hành về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con sau khi ly hôn và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ CƠ QUAN THỰC TẬP

1.1 Khái quát về cơ quan thực tập:

1.1.1 Vài nét sơ lược về Cục thi hành án dân sự TP.HCM:

Địa chỉ: 372A Nguyễn Văn Lượng, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP.HCM.

Điện thoại: 08.39893919; Fax: 08.39893918.

Email: hochiminh@moj.gov.vn

Cục Thi hành án dân sự có vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; Theo quy định tại Nghị định số 74/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và công chức làm công tác thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự có vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức như sau:

1.Cục Thi hành án dân sự tỉnh là cơ quan trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, thực hiện chức năng thi hành án dân sự, có nhiệm vụ giúp Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự quản lý một số mặt công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan thi hành án dân sự địa phương và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật. 2.Cục Thi hành án dân sự tỉnh có các phòng chuyên môn trực thuộc.

3.Cục Thi hành án dân sự tỉnh có Cục trưởng đồng thời là Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự; Phó Cục trưởng đồng thời là Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự; Chấp hành viên sơ cấp; Chấp hành viên trung cấp; Chấp hành viên cao cấp; Thẩm tra viên thi hành án; Thẩm tra viên chính thi hành án; có thể có Thẩm tra viên cao cấp thi hành án; Thư ký thi hành án và công chức khác.

4.Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh chịu trách nhiệm trước Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Thi hành án dân sự tỉnh. Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

5.Cục Thi hành án dân sự tỉnh chịu sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 173 Luật Thi hành án dân sự, có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân cùng cấp về chủ trương, biện pháp tăng cường công tác thi hành án dân sự trên địa

và thực hiện báo cáo công tác thi hành án dân sự trước Hội đồng nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật.

1.1.2 Cơ cấu tổ chức Cục thi hành án dân sự TP.HCM:

Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh hiện có 04 lãnh đạo gồm 01 Cục trưởng và 04 Phó Cục trưởng, với 06 phòng chuyên môn tham mưu trực tiếp cho lãnh đạo Cục cùng 19 Chi cục THADS quận và 05 Chi cục THADS huyện, có trách nhiệm tổ chức thi hành các bản án, quyết định theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

1.2 Chức năng, nhiệm vụ:

Là một trong số 06 phòng chuyên môn thuộc Cục Thi hành án dân sự TPHCM, Phòng Kiểm tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo có chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng thực hiện công tác kiểm tra; Thẩm tra hồ sơ thi hành án; Tiếp dân; Xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự; tham mưu công tác phòng, chống tham nhũng trong ngành Thi hành án dân sự thành phố; Trả lời kháng nghị, kiến nghị của VKSND và tổng hợp, báo cáo công tác bồi thường nhà nước.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ VỚI CON SAU LY HÔN

2.1 Khái quát về quyền và nghĩa vụ cha mẹ sau ly hôn:

2.1.1 Khái niệm quyền và nghĩa vụ cha mẹ với con sau ly hôn:

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con có thể được tiếp cận dưới góc độ một bộ phận đặc thù quyền con người trong lĩnh vực gia đình và dưới góc độ các quyền và nghĩa vụ dân sự.

Trong số các quyền con người mà các văn bản luật quốc tế nêu trên có đề cập đến thì quyền liên quan đến cha mẹ, con cũng là một nội dung cơ bản và nhận được sự quan tâm của nhiều quốc gia thành viên. Tại khoản 1, Điều 9 công ước quốc tế về quyền trẻ em có quy định: Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng trẻ em không bị tách khỏi cha, mẹ trái với ý muốn của họ, trừ trường hợp do các cơ quan có thẩm quyền quyết định với sự thẩm định của Tòa án rằng theo pháp luật và các thủ tục áp dụng thì việc tách khỏi cha mẹ như vậy là cần thiết cho lợi ích tốt nhất của trẻ em. Quyết định này có thể là cần thiết trong những trường hợp đặc biệt như trẻ em bị cha mẹ lạm dụng hay bỏ mặc, hoặc khi cha mẹ sống ly thân và cần có một quyết định về nơi cư trú của trẻ em.

Để có thể đưa ra khái niệm về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con thì trước hết chúng ta cần tìm hiểu rõ nội dung của thuật ngữ “nghĩa vụ” và “quyền”. Theo như từ điển luật học, “*Quyền là khái niệm khoa học pháp lý dùng để chỉ những điều mà pháp luật công nhận và bảo đảm thực hiện đối với cá nhân, tổ chức để theo đó cá nhân, tổ chức được hưởng, được làm, được đòi hỏi mà không ai được ngăn cản, hạn chế*”¹, còn “*Nghĩa vụ là việc phải làm theo bổn phận của mình*”². Pháp luật quy định về nghĩa vụ và quyền của cha mẹ đối với con dựa trên những chuẩn mực về đạo đức có nền tảng xuất phát từ những yếu tố: tình cảm, huyết thống, nuôi dưỡng, tuy nhiên vẫn phải bảo đảm theo một quy tắc thống nhất và theo sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam.

Từ những phân tích trên, chúng ta có thể hiểu quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con như sau: “Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là tổng hợp những quy định mà pháp luật cho phép cha, mẹ được hưởng, được làm, được đòi hỏi, bên cạnh đó còn là

¹ Từ điển luật học, Trang 648

² Từ điển luật học, Trang 560

những điều bắt buộc cha mẹ phải thực hiện cho con vì lợi ích của con, bao gồm cả nghĩa vụ và quyền về nhân thân lẫn tài sản.

2.1.2. Nguyên tắc xác định quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn:

Ly hôn là một vấn đề xã hội được quan tâm ở hầu hết các quốc gia giới. Đây là vấn đề không mới nhưng luôn nhức nhối bởi những hậu quả nặng nề mà nó để lại. Ly hôn làm chấm dứt quan hệ vợ chồng, nhưng quan hệ cha mẹ đối với con thì không thay đổi mà chỉ đặt ra vấn đề giải quyết giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con như thế nào. Những vấn đề này phải được giải quyết xuất phát từ góc độ bảo vệ quyền trẻ em, đồng thời bảo vệ quyền của cha mẹ.

- Nguyên tắc bảo vệ bà mẹ và trẻ em: Trong xã hội xưa và nay, người phụ nữ góp một vai trò vô cùng quan trọng, vai trò đó thể hiện ngay trong gia đình, họ vừa là người vợ, người mẹ, người con dâu trong gia đình. Họ còn có vai trò lớn với xã hội đó là người lao động trong xã hội, vì vậy người phụ nữ không chỉ có vai trò quan trọng trong gia đình mà còn đối với cả xã hội. Dưới chế độ cũ, quyền yêu cầu ly hôn và những quyền lợi của phụ nữ sau khi ly hôn bị hạn chế bởi mối quan hệ “bất bình đẳng”, duy trì chế độ gia trưởng. Người phụ nữ sau khi ly hôn phải gánh chịu hậu quả vô cùng lớn về nhân thân và tài sản, hầu như những quyền lợi của họ mặc nhiên không được công nhận. Đến Luật Hôn nhân và gia đình từ năm 1986, năm 2000 và năm 2014 các quy định bảo vệ người phụ nữ khi ly hôn dần được hoàn thiện và ghi nhận trong Luật.

Không chỉ đề cao vai trò của người phụ nữ và pháp luật bảo vệ quyền lợi của họ khi ly hôn mà đối tượng trẻ em và quyền trẻ em cũng là nội dung được ưu tiên hàng đầu khi giải quyết các trường hợp ly hôn. Trẻ em là hạnh phúc của gia đình là tương lai của đất nước, là lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nếu không được sự quan tâm của xã hội, sự bảo vệ của pháp luật thì những mầm non của hôm nay không thể trở thành những công dân có ích cho xã hội mai sau. Những đứa trẻ có cha mẹ ly hôn phải chịu thiệt thòi so với các bạn bè đồng lứa, hơn nữa chúng còn chưa thể tự lo cho mình được, vì vậy cần có sự quan tâm đặc biệt tới đối tượng này. Không phải ngẫu nhiên mà nguyên tắc "*Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ phụ nữ, trẻ em ...*" được đưa vào trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật hôn nhân, gia đình. Và ngay cả cha mẹ - là những bậc sinh thành của trẻ, khi có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cũng sẽ bị hạn chế quyền

của mình. Đặc biệt, nhà làm luật còn dự liệu cả những trường hợp sau ly hôn, trẻ phải ở với bố dượng hay mẹ kế, để hạn chế tối đa vấn đề bạo lực, bạo hành gia đình, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống tâm sinh lý của trẻ, tại Điều 79 Luật HNGĐ 2014 “*Cha dượng, mẹ kế có quyền và nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con riêng của bên kia cùng sống chung với mình theo quy định tại các điều 69, 71 và 72 của Luật này*” hay “*Bố dượng, mẹ kế và con riêng của vợ hoặc chồng không được ngược đãi hành hạ, xúc phạm nhau*”. Những quy định này dựa trên nền tảng đạo đức xã hội mang tính truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, đồng thời xuất phát từ nguyên tắc bảo vệ quyền lợi cho trẻ em.

- Nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chồng: Khi ly hôn, người cha và người mẹ hay chính là vợ và chồng đều có cơ hội ngang nhau trong việc được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Theo đó, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con nếu không thỏa thuận được thì mới cần đến sự can thiệp từ tòa án. Ngoài ra, vợ, chồng còn bình đẳng trong quyền thăm nom con sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền thăm nom con của mình, và bình đẳng trong quyền yêu cầu thay đổi người người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, tức là sau khi ly hôn, nếu phát hiện người cha (hoặc người mẹ) đang trực tiếp nuôi con không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con để bảo đảm lợi ích cho con. Ví dụ như trường hợp con sau khi ly hôn được sống với mẹ nhưng khi mẹ tái hôn thì bố dượng thường xuyên hành hạ, đánh đập con riêng của vợ ảnh hưởng không tốt đến tâm lý đứa trẻ, lúc này người bố của đứa trẻ có quyền yêu cầu thay đổi trực tiếp quyền nuôi con.

- Nguyên tắc tôn trọng quyền của cha, mẹ: Theo nguyên tắc, quyền cha, mẹ là quyền tuyệt đối.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn thực chất là chúng ta đặt quyền và nghĩa vụ trong một quan hệ pháp luật cụ thể đó là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình, hay chính là giải quyết mối quan hệ vợ chồng trong vấn đề con cái sau khi ly hôn. Trong quan hệ này quy định những việc bố mẹ được phép làm trong giới hạn quyền làm cha, làm mẹ của mình như quyền được quản tài sản riêng của con chưa thành niên, quyền chăm sóc, nuôi dưỡng hay quyền thăm nom. Đồng thời họ cũng phải thực hiện những nghĩa vụ nhất

định như nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên gây ra, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ... Trong số các quyền hay nghĩa vụ đó có những nội dung vừa là quyền và cũng vừa là nghĩa vụ, nó thể hiện được quan hệ qua lại, tương hỗ của hai yếu tố này, đồng thời cũng phần nào phản ánh được tính chất riêng biệt và đặc thù của quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình; mặc dù là quan hệ pháp luật điều chỉnh nhưng vẫn mang trong đó yếu tố đạo đức và truyền thống dân tộc.

2.2. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con sau khi ly hôn theo pháp luật Việt Nam

2.2.1 Quyền và nghĩa vụ về nhân thân

Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con là người cùng sống với con trong một ngôi nhà, vì vậy họ không bị hạn chế quyền của cha mẹ đối với con. Họ là người có thể theo dõi con hàng ngày, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách thường xuyên, liên tục. Hơn nữa, họ là người đã được xác định là người có thể nuôi dưỡng, giáo dục con tốt hơn người kia, nên những nghĩa vụ và quyền mà hai vợ chồng đã từng thực hiện trước đây vẫn được giao cho họ. Đó là những nghĩa vụ và quyền như trực tiếp chăm sóc, dạy dỗ con, đại diện cho con trước pháp luật, quản lý tài sản của con ...

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con:

Vấn đề trao quyền trực tiếp nuôi dưỡng con cho ai luôn là một nội dung quan trọng trong các vụ án ly hôn, có ý nghĩa quyết định đối với cuộc sống và tương lai của các con. Bởi vì, người trực tiếp nuôi con là người cùng sống với con trong một mái nhà, có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển về nhân cách, trí tuệ, thể chất của trẻ. Một quyết định sai lầm khi giao con cho người kia nuôi có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng không thể khắc phục được. Vì vậy, dù việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục trực tiếp là sự thỏa thuận của cha mẹ hay quyết định của Tòa án thì đều phải được xem xét một cách toàn diện và cân trọng, phải đảm bảo được lợi ích tốt nhất cho con cái. Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ bảy tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.³

³ Quốc hội (2014), Luật Hôn nhân và gia đình, Hà Nội

Việc xác định quyền lợi về mọi mặt của con phải căn cứ vào hoàn cảnh của người trực tiếp nuôi con. Quyền lợi về mọi mặt của con không chỉ là đáp ứng những nhu cầu tối thiểu mà còn bao gồm những điều kiện cần thiết cho sự phát triển về thể chất và trí tuệ của con. Tuy nhiên, vẫn còn có trường hợp cả cha và mẹ không ai có đủ tư cách hoặc điều kiện để được thực hiện quyền trực tiếp nuôi con thì có thể giao con cho một người khác nuôi dưỡng. Người đó có thể là ông bà, cô, dì, chú, bác hoặc là anh, chị, em đã thành niên... của đứa trẻ, có điều kiện bảo đảm cuộc sống ổn định cho các em. Miễn sao quyền lợi của những đứa con được bảo vệ toàn diện nhất. Tất nhiên là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái cũng không vì thế mà mất đi.

Nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con:

Điều 15 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: *"Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện"*. Khoản 1, Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình"*.

Khi vợ chồng ly hôn, họ không thể cùng nhau thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng con như lo cho con từng bữa ăn, giấc ngủ được mà quyền và nghĩa vụ này được thực hiện bởi người trực tiếp nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con không thể thực hiện việc này, họ chỉ có thể thực hiện một cách gián tiếp qua việc thăm nom và cấp dưỡng nuôi con. Như vậy, dù không cùng chung sống nhưng nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con vẫn được đặt ra cho cả hai người. Tuy nhiên, việc chăm lo cho cuộc sống hằng ngày của con thuộc nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con.

Nghĩa vụ và quyền giáo dục con:

Khoản 1 Điều 72 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập"*. Điều này cũng phù hợp với quy định của Luật Trẻ em năm 2016, theo khoản 1, Điều 16: *"Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân."*

Giáo dục trẻ em không chỉ là nghĩa vụ của cha mẹ mà nó là sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội, theo Luật Trẻ em 2016: *"Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân có trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ"*

*em; hỗ trợ, tạo điều kiện để trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình theo quy định của pháp luật; phối hợp, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện."*⁴

Tuy nhiên, khi cha mẹ ly hôn có rất nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến việc học tập của các con. Trước hết, đó là sự thay đổi về tâm lý, tính cách, tinh thần học tập và rèn luyện. Không ít các em rơi vào tình trạng mặc cảm, xấu hổ với bạn bè, thầy cô nên không muốn đến lớp và thường xuyên trốn học. Việc thay đổi trường lớp cũng có thể xảy ra và để làm quen được với môi trường mới cũng có thể làm việc học tập bị gián đoạn. Trẻ rất khó hòa nhập vì sợ mọi người biết về hoàn cảnh gia đình mình. Việc học tập bị gián đoạn, sa sút sẽ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của các em sau này. Vì vậy, khi giao con cho người nuôi dưỡng phải cân nhắc kỹ tới việc học tập của trẻ. Và vai trò của người trực tiếp nuôi con trong việc động viên, quản lý con trong học tập, rèn luyện là rất quan trọng.

Quyền đại diện cho con:

Theo Luật HN&GD năm 2014 quy định: "*Cha mẹ là người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, trừ trường hợp con có người khác làm giám hộ hoặc có người khác đại diện theo pháp luật"*⁵.

Đại diện là việc một người nhân danh người khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi thẩm quyền đại diện. Theo quy định của pháp luật dân sự thì cha mẹ là người đại diện đương nhiên cho con chưa thành niên, con đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, trừ một số trường hợp. Khi cha mẹ ly hôn mà có con thuộc đối tượng cần phải chăm sóc nuôi dưỡng thì người trực tiếp nuôi con cũng đồng thời là người đại diện theo pháp luật của con nếu họ đủ điều kiện. Để đảm bảo quyền lợi của con, pháp luật quy định những trường hợp mà cha mẹ không được đại diện cho con.

Quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con:

Điều 82 Luật HN&GD 2014 quy định: "*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; mà không ai được cản trở"*.

Thăm nom con là một quyền cơ bản đối với người không trực tiếp nuôi con. Pháp luật quy định quyền này là rất hợp lý và có ý nghĩa với cả người con lẫn người không được trực tiếp nuôi con. Đối với người con, khi không cùng được sống với cha hay với mẹ là một thiệt thòi không gì bù đắp nổi. Bởi vì chúng chỉ mới là những đứa trẻ rất ngây thơ

⁴khoản 2, Điều 9, Quốc Hội (2016), Luật Trẻ em, Hà Nội

⁵ khoản 1, Điều 73, Quốc Hội (2014), Luật HN&GD, Hà Nội

và có quyền được sống trong gia đình hạnh phúc có cả cha và mẹ. Nhưng dù không muốn, đứa trẻ chỉ được sống với một người. Ở lứa tuổi đang cần sự dỗ dành, chăm chút của mẹ, sự dạy dỗ, dìu dắt của cha lại phải sống với một người chắc chắn trong tâm hồn trẻ sẽ có sự thiếu hụt và lệch lạc. Và không ít trẻ em đã lâm vào tình trạng rụt rè, thiếu tự tin, không hòa nhập được với các bạn bè cùng lứa. Vì vậy, pháp luật quy định cho người không được trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con đã bù đắp được phần nào sự thiếu hụt, trống trải đó. Quy định này của pháp luật đã tạo điều kiện cho con cái được hưởng tình yêu thương, chăm sóc của cả cha và mẹ, tạo cơ hội cho con cái được thường xuyên gặp gỡ, tiếp xúc với người cha hoặc người mẹ không sống bên cạnh mình. Đối với người không trực tiếp nuôi con thì quyền thăm nom con đã phần nào làm vơi đi nỗi buồn và nhớ con, làm giảm bớt đi cảm giác day dứt khi vì mình mà con cái phải sống trong cảnh thiếu thốn tình cảm. Khi được thăm nom con, họ có thể biết được tình hình cuộc sống và học tập của con mình, có thể tâm sự và giúp con giải quyết những vấn đề nhạy cảm mà người trực tiếp nuôi con mình không làm được... Đây cũng là một cơ sở pháp lý để họ thực hiện quyền của mình. Tuy nhiên, dù thế nào thì quyền thăm nom chỉ được duy trì và tôn trọng nếu như xuất phát từ lợi ích của con cái.

Quyền thăm nom con là một quyền nhân thân của người không trực tiếp nuôi con vì vậy không ai được cản trở họ. Người trực tiếp nuôi con và những người khác có nghĩa vụ tôn trọng quyền này. Để đảm bảo cho quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con được thực hiện một cách thuận lợi, và cũng là để bảo vệ quyền lợi của con, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP đã có quy định:

"Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con, trừ trường hợp cha mẹ bị hạn chế quyền thăm nom con theo quyết định của tòa án; giữa vợ và chồng; giữa anh chị em với nhau."⁶

Tuy nhiên pháp luật cũng quy định rõ: "Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"⁷

⁶ Điều 53 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP

⁷ Khoản 3, Điều 82 Luật HN&GD 2014

Như vậy, thăm nom con không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của những người không trực tiếp nuôi con. Đây là điểm khác biệt giữa Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 vì Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chỉ quy định thăm nom con là quyền của người không trực tiếp nuôi con. Sở dĩ có quy định khác như vậy có lẽ là nhà làm luật đã dựa vào thực tế. Người cha, người mẹ cần phải có trách nhiệm đối với con, họ vừa coi đó là quyền lợi của mình và cũng là tốt cho con cái, vừa phải coi đó là một nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện để bảo đảm quyền lợi toàn diện của con cái. Tuy nhiên, việc pháp luật quy định đây là một nghĩa vụ thì phải quy định chế tài xử phạt. Nhưng hiện nay vẫn chưa có chế tài xử phạt liên quan tới việc thực hiện nghĩa vụ thăm nom của cha mẹ khiến cho rất nhiều phụ huynh coi thường việc thăm nom con cái của mình khiến cho ảnh hưởng rất nhiều tới tâm lý trẻ em.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ, không phụ thuộc vào cha mẹ có quan hệ hôn nhân hay đã chấm dứt quan hệ hôn nhân hoặc không có quan hệ hôn nhân. Khi ly hôn, vợ chồng không cùng sống chung trong một căn nhà, không thể cùng nhau chăm sóc, dạy dỗ và lo toan cho con cái mà việc trực tiếp thực hiện trách nhiệm này thuộc về một người. Với việc phải làm quen với cuộc sống mới lại một mình nuôi con, người trực tiếp nuôi con sẽ gặp nhiều khó khăn nếu như người không trực tiếp nuôi con không chia sẻ gánh nặng này. Nếu như thăm nom con là sự bù đắp cho con những thiếu thốn về mặt tình cảm thì cấp dưỡng nuôi con là sự đóng góp để đảm bảo cho con sự đầy đủ tối thiểu về mặt vật chất. Vì vậy, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Khi ly hôn, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*".

Như vậy, khác với việc thăm nom con, luật quy định cấp dưỡng là một nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, quan hệ pháp lý giữa cha mẹ và con vẫn không hề thay đổi. Vì vậy, cấp dưỡng nuôi con là một nghĩa vụ hiển nhiên. Người không trực tiếp nuôi con dù muốn hay không đều phải thực hiện trách nhiệm của mình. Nếu như pháp luật không thể dùng các biện pháp cưỡng chế để buộc họ thực hiện nghĩa vụ về mặt tình cảm thì ngược lại, pháp luật có thể quy định những biện pháp để họ thực hiện những nghĩa vụ về mặt vật chất. Có thể người không trực tiếp nuôi con sẽ cấp dưỡng do bị dùng các biện pháp cưỡng chế nhưng dù sao thì mục đích của việc cấp dưỡng vẫn đạt được.

Khi ly hôn, việc chăm sóc con sẽ dồn lên vai một người, vì vậy việc nuôi dưỡng con sẽ gặp nhiều khó khăn so với trước đây. Do đó, sự đóng góp vật chất để nuôi con là rất cần thiết. Đó không chỉ là để duy trì cuộc sống ổn định cho con mà còn thể hiện trách nhiệm của cha mẹ. Vì vậy, đây không chỉ là nghĩa vụ mà còn là quyền lợi của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con không thể vì hết tình cảm với người không trực tiếp nuôi con hay vì tự ái mà để cho những đứa con phải chịu thiệt thòi, thiếu thốn. Người không trực tiếp nuôi con cũng không thể viện lý do người kia có đầy đủ điều kiện để nuôi con mà trốn tránh nghĩa vụ của mình. Bởi vì nuôi con không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là trách nhiệm của cha mẹ.

2.2.2 Quyền và nghĩa vụ về tài sản:

Quyền quản lý tài sản riêng của con:

Theo Điều 75 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "con có quyền có tài sản riêng". Tài sản riêng của con là để phục vụ cuộc sống hiện tại và tương lai sau này của con, vì vậy, người trực tiếp nuôi con thường là người có trách nhiệm quản lý tài sản đó. Tuy nhiên, nếu con đã đủ 15 tuổi trở lên thì có quyền tự mình hoặc nhờ người khác quản lý tài sản riêng của mình. Cha mẹ không có nghĩa vụ phải quản lý tài sản riêng cho con trong trường hợp này. Nếu người con có yêu cầu cha mẹ quản lý thì khi đó nó trở thành một quyền mà không phải là một nghĩa vụ của cha mẹ. Vì vậy, trong trường hợp con đủ 15 tuổi trở lên có tài sản riêng mà không yêu cầu cha mẹ, cụ thể là người trực tiếp nuôi con quản lý thì người đó cũng không có quyền đơn phương buộc con để mình quản lý số tài sản đó. Nếu người con đó dưới 15 tuổi hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì việc quản lý tài sản của con sẽ là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ - người trực tiếp nuôi con.

Ở độ tuổi dưới 15 hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì con không thể quyết định được vấn đề quản lý tài sản riêng của mình một cách chính xác và đúng đắn. Vì vậy, là người sinh thành, nuôi dưỡng con, cha mẹ là người thích hợp nhất để làm nhiệm vụ này. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt thì quyền này không thuộc về cha mẹ. Đó là trường hợp con được tặng cho hoặc thừa kế theo di chúc của người khác mà người đó lại chỉ định một người khác cha mẹ quản lý số tài sản đó. Cha mẹ phải tôn trọng ý nguyện của người để lại tài sản cho con mình.

Theo Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trong quá trình quản lý tài sản của con, nếu con dưới

15 tuổi thì cha mẹ có quyền định đoạt tài sản của con nhưng phải vì lợi ích của con và nếu con đã đủ 7 tuổi trở lên thì cha mẹ phải xem xét nguyện vọng của con. Trường hợp

con đã đủ 15 tuổi trở lên nếu tài sản do cha mẹ quản lý thì con vẫn có quyền định đoạt tài sản ấy, chỉ có những tài sản có giá trị lớn hoặc dùng tài sản để kinh doanh thì phải có sự đồng ý của cha mẹ. Quy định này không nhằm hạn chế quyền của con mà thực ra là vì quyền lợi của con. Vì ở lứa tuổi này, người con chưa thực sự chín chắn và những quyết định quan trọng chúng không thể tự mình quyết định một cách chính xác mà rất cần sự hướng dẫn, chỉ bảo của cha mẹ - những người từng trải và hiểu con mình hơn ai hết.

Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra trong những trường hợp pháp luật quy định: Theo Điều 74 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "Cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự gây ra theo quy định tại Điều 599 Bộ luật dân sự 2015". Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

1. “Người chưa đủ mười lăm tuổi trong thời gian trường học trực tiếp quản lý mà gây thiệt hại thì trường học phải bồi thường thiệt hại xảy ra.
2. Người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại cho người khác trong thời gian bệnh viện, pháp nhân khác trực tiếp quản lý thì bệnh viện, pháp nhân khác phải bồi thường thiệt hại xảy ra.
3. Trường học, bệnh viện, pháp nhân khác quy định tại khoản 1 và khoản 2. Điều này không phải bồi thường nếu chứng minh được mình không có lỗi trong quản lý; trong trường hợp này, cha, mẹ, người giám hộ của người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự phải bồi thường.”⁸

Như vậy, khi con dưới 15 tuổi và mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại trong thời gian trường học, bệnh viện... quản lý thì cha mẹ sẽ không phải liên đới bồi thường nếu các tổ chức đó có lỗi trong việc quản lý thì họ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại. Cha mẹ chỉ phải bồi thường khi các cơ quan, tổ chức đó chứng minh được mình không có lỗi trong việc quản lý. Đây là sửa đổi của Bộ luật Dân sự năm 2015 so với Bộ luật Dân sự năm 1995 liên quan đến phân trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cha mẹ do con gây ra. Sửa đổi này nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý của các cơ quan như trường học, bệnh viện ...

⁸ Điều 599 Bộ luật Dân sự năm 2015

Khi ly hôn dù cha mẹ không thể cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng về bản chất nghĩa vụ và quyền của cha mẹ với con vẫn không hề thay đổi. Vì vậy, khi con gây ra thiệt hại thì cả cha và mẹ đều có trách nhiệm bồi thường theo quy định. Tuy nhiên trên thực tế nếu như thiệt hại mà con gây ra là nhỏ mà chỉ một mình người trực tiếp nuôi con có thể tự bồi thường được thì người đó thường đứng ra thực hiện mà không cần tới sự hỗ trợ của người kia. Mặt khác, do người trực tiếp nuôi con thường là người đại diện theo pháp luật của con, người chỉ bảo, theo dõi con nên khi có thiệt hại do con gây ra thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại thường do người đó đảm nhận. Nhưng không ít trường hợp thiệt hại do con gây ra lớn hơn khả năng của người trực tiếp nuôi con thì vấn đề bồi thường thiệt hại vẫn do hai người thực hiện và người không trực tiếp nuôi con không thể viện lý do không quản lý con mà trốn tránh nghĩa vụ này.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ VỚI CON SAU LY HÔN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.1. Thực tiễn áp dụng quy định quyền và nghĩa vụ cha mẹ với con sau ly hôn:

Ông T và bà H ly hôn theo bản án của Tòa án có hiệu lực từ ngày 19-7-2017. Theo phán quyết của Tòa, sau khi ly hôn, ông T được quyền nuôi dưỡng con gái thứ hai (6 tuổi), còn bà H nuôi con gái đầu (12 tuổi) và cậu con trai út (32 tháng tuổi). Trong biên bản giao, nhận con được lập vào ngày 11-08-2017, các bên có thỏa thuận: “Ông T có nguyện vọng chiều thứ bảy hàng tuần đón cháu P về ở, đến chiều chủ nhật sẽ đưa về bàn giao lại cho bà H. Trường hợp nếu có việc đột xuất, ông T không đến thăm con được sẽ báo trước cho bà H hoặc trường hợp nếu gia đình bên bà H có việc không giao con cho ông T theo đúng lịch hẹn thì cũng phải báo trước cho ông T biết”. Đồng thời, nội dung biên bản cũng ghi nhận “cả ông T và bà H đều đồng ý như cam kết nên yêu cầu ông bà phải thực hiện nghiêm túc cam kết đã nêu trên”. Tuy nhiên, trên thực tế, sau nhiều lần đến thăm nhưng ông T không được gặp con. Từ vụ việc trên, có thể thấy, việc thiếu hụt những quy định mang tính định hướng khi xác định cách thức, thời gian cũng như địa điểm thăm nom con có thể dẫn đến nhiều hệ lụy tiêu cực, khiến cho quyền lợi chính đáng của con không được bảo đảm.

Chị Ánh và anh Minh có chung 1 con trai được 2 tuổi 8 tháng. Hai vợ chồng đều là công chức. Khi ly hôn chị Ánh được giao trực tiếp nuôi con. Anh Minh có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thành niên (18 tuổi), mức cấp dưỡng cho con do 2 bên thỏa thuận tùy vào mức thu nhập của mỗi bên. Như vậy qua ví dụ trên cho thấy pháp luật quy định rõ về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con được thực hiện rõ ràng để đứa trẻ lớn lên không phải chịu thiếu thốn về tình thương cũng như vật chất.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật

3.2.1 Giải pháp về mặt lập pháp:

Chúng ta cần nâng cao vai trò của Tòa án trong việc chỉ rõ những sai phạm của cha, mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, đồng thời áp dụng biện pháp xử lý phù hợp nhằm giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật nói chung và tôn trọng quyền của con chưa thành niên nói riêng. Cần tăng cường năng lực quản lý cơ quan bảo vệ trẻ

cơ chế pháp lý cho cơ quan này có thể dễ dàng phối hợp với các cơ quan chức năng như Tòa án, Công an, Viện kiểm sát... trong việc bảo vệ người chưa thành niên, kể cả việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

3.2.2 Giải pháp về vấn đề áp dụng pháp luật và nâng cao ý thức pháp luật:

Qua hơn 4 năm thực thi Luật Hôn nhân và gia đình 2014, bên cạnh những tác động tích cực của luật đến đời sống người dân, các quan hệ pháp lý về hôn nhân và gia đình được đảm bảo, nhận thức của người dân ngày càng được nâng lên thì trong quá trình áp dụng luật cũng bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc gây khó khăn cho quá trình giải quyết các vụ án. Cụ thể một số vướng mắc như sau:

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 “khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành” thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn “nhân lâm vào tình trạng trầm trọng”, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, để xác định thế nào là hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng là chưa có văn bản hướng dẫn, việc xác định mức độ hôn nhân trầm trọng là vào ý chí chủ quan của người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc, gây khó khăn cho việc xét xử vụ án.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Vợ chồng có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nếu các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của người con. Tuy nhiên, trong thực tế nếu các bên không thỏa thuận được và đều có yêu cầu nuôi con, con chung đã đủ 07 tuổi nên xem xét nguyện vọng của con. Trường hợp, con mong muốn ở với mẹ nhưng xét về điều kiện vật chất không đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng con. Trong khi người cha có đầy đủ điều kiện thì lại trái với nguyện vọng của con, nên khi giải quyết những trường hợp này vẫn còn lúng túng.

Đối với cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng có thể thỏa thuận giữa người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng con căn cứ vào thu nhập, khả năng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng

và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, trong trường hợp các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng thì Tòa án sẽ quyết định. Tuy nhiên, chưa có văn bản nào hướng dẫn nếu các bên không thỏa thuận được thì quy định mức cấp dưỡng cụ thể như thế nào. Bởi, nếu căn cứ khả năng, mức thu nhập của từng chủ thể có nghĩa vụ cấp dưỡng có thể khác nhau, có người thu nhập cao có người thu nhập thấp; nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng cũng khác nhau tùy vào điều kiện, hoàn cảnh sinh sống. Hiện nay, do chưa có quy định hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về mức cấp dưỡng nên có trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng có mức thu nhập cao nhưng Tòa án cũng chỉ quyết định mức cấp dưỡng bằng 01 tháng hoặc $\frac{1}{2}$ tháng mức lương cơ sở thì có khi không đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng sinh sống tại nơi đô thị.

Hoặc, trong quá trình giải quyết vụ án do sự thỏa thuận của các đương sự nên một số vụ án tòa tuyên giao con cho một bên và bên còn lại không có nghĩa vụ cấp dưỡng theo đúng thỏa thuận. Việc tuyên như vậy đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của trẻ trong vụ án vì nghĩa vụ cấp dưỡng chủ yếu là để đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần cho trẻ. Việc này đã làm ảnh hưởng rất nhiều đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em trong các vụ án ly hôn.

Về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì trên thực tế có những vụ người trực tiếp nuôi con cố tình không tạo điều kiện cho người không trực tiếp nuôi con được gặp mặt, thăm nom, giáo dục con. Làm cho người không trực tiếp nuôi con không có cách nào để gặp được mặt con vì thế họ đành phải có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chỉ được xem xét khi có các căn cứ sau: “Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con; người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”. Nhưng trong trường hợp này thì người trực tiếp nuôi con không vi phạm những căn cứ theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Như vậy, lại vô tình làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người này, đồng thời cũng làm ảnh hưởng đến tâm lý của con vì không gặp được mặt của bố hoặc mẹ.

Với những khó khăn, vướng mắc nêu trên cần có sự hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền để việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đạt được kết quả cao nhất.

3.2.3 Giải pháp về mặt kỹ thuật:

Chúng ta cần tuyên truyền, vận động để cá nhân, tổ chức hiểu rõ quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình về hạn chế quyền cha, mẹ đối với con chưa thành niên, để các cá nhân, cơ quan, tổ chức tích cực phát hiện những trường hợp vi phạm và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

KẾT LUẬN

Gia đình là tế bào của xã hội, là tổ ấm của những người gắn bó với nhau do quan hệ hôn nhân hoặc nuôi dưỡng, làm phát sinh nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau. Gia đình Việt Nam được xây dựng dựa trên cơ sở đạo đức và truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta thể hiện sự quan tâm yêu thương, chăm sóc, đùm bọc lẫn nhau giữa các thành viên. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ với con được quy định khá đầy đủ trong Luật Hôn nhân và gia đình và một số văn bản khác. Tuy nhiên trong điều kiện xã hội hiện nay, khi mà trong xã hội có nhiều sự thay đổi do tác động của nhiều yếu tố, lối sống và nhân cách bị chịu nhiều áp dụng do sự thay đổi tác động của nhiều yếu tố, lối sống và nhân cách cá nhân chịu những áp lực, thách thức bởi nhiều loại thang bậc giá trị, sự đề cao giá trị vật chất, sự thờ ơ, thiếu trách nhiệm của bậc cha mẹ đối với con cái diễn ra ngày càng phổ biến,... Qua bài báo cáo thực tập cho ta thấy rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con theo luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Có một vài điểm bất cập cũng như hạn chế về mặt pháp luật. Nhưng trong số đó cũng có một số điểm thuận lợi về mặt pháp lý để cha mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con của họ sau khi ly hôn để cho đứa trẻ không bị thiếu thốn về tình thương của cha lẫn mẹ cũng như điều kiện về tinh thần vật chất để đứa trẻ có thể phát triển và được học tập như bao đứa trẻ có đầy đủ ba mẹ khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Bộ luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
3. Bộ luật hình sự năm 2015.
4. Bộ luật dân sự năm 2015.
5. Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 3/10 quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình 2000.
6. Nghị định số 87/2001/NĐ-CP ngày 21/11 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.
7. Nghị quyết số 02/2000/NĐ-HĐTP ngày 23/12 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2000.
8. Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4 hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình.
9. Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8 hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình.
10. Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945.
11. Công ước của Liên hợp quốc về quyền con người năm 1948.
12. Công ước của Liên hợp quốc về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa năm 1966.
13. Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989.
14. Tuyên bố cuối cùng của hội nghị quốc tế về quyền con người – Teheran năm 1968.
15. Sắc lệnh số 97-SL ngày 22/5 về sửa đổi một số quy lệ và chế định trong dân luật năm 1950.
16. Sắc lệnh số 159-SL ngày 17/11/1950 quy định về vấn đề ly hôn năm 1950.
17. Nguyễn Ngọc Điện (2004), Bình luận khoa học Luật Hôn nhân và gia đình, tập II: Các quan hệ tài sản giữa vợ và chồng, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Ngô Thị Hường (2003), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Luật Hôn nhân và gia đình 2000, Sách tham khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

19. Từ điển Luật học, Nxb Từ điển Bách Khoa, Tư pháp năm 2006.
20. Luật Gia đình Nga (Tài liệu dịch tham khảo) năm 2012.
21. Giáo trình Luật hôn nhân gia đình.